

Bản án số: 86/2024/DS-ST

Ngày: 10/9/2024

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

**Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Nguyễn Văn Hiệp

- Bà Chu Thị Hà

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký  
Tòa án quận Hoàn Kiếm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:** Bà  
Phan Thị Hạnh Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2024/TLST-DS ngày 17/6/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (viết tắt là P); địa chỉ: B N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T - Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản

(Theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020)

Ông T ủy quyền tham gia tố tụng cho:

1. **Bà Hồ Hương L1** - Chức vụ: Giám đốc khách hàng cá nhân - Phòng quản lý khách hàng cá nhân K1 - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

2. **Ông Nguyễn Ngọc H** - Chức vụ: Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ - Phòng quản lý khách hàng cá nhân K1 - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản P.

3. **Bà Nguyễn Minh H1** - Chức vụ: Chuyên viên tố tụng - Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P.

(Theo Giấy ủy quyền số 21171/UQ-PVB ngày 04/10/2023 của Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Ngân hàng P)

(Bà H1 có mặt).

\* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1964

Hộ khẩu thường trú: P5-TT Bờ Sông, C, H, Thành phố Hà Nội.

(Bà H2 vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2024, và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 11/04/2019, bà Nguyễn Thị Thu H2 và Ngân hàng TMCP Đ đã ký kết Hợp đồng cho vay số 268/2019/HĐCV/PVB-HBT, với nội dung cơ bản như sau:

- + Số tiền vay: 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng);
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Mục đích sử dụng số tiền vay: Vay mua ô tô tiêu dùng;
- + Lãi suất:

Lãi suất trong hạn:

- Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân là: 8,99% năm
- Lãi suất cho các kỳ điều chỉnh tiếp (từ tháng 13 cho đến hết thời hạn khoản vay). Lãi suất được xác định theo công thức sau: = theo bằng lãi suất cơ sở + Biên độ tối thiểu 4,5%/năm, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần.

Trong đó lãi suất cơ sở là lãi suất Tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng VNĐ, kỳ hạn 13 tháng, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng C từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên vay trả nợ đúng hạn.

+ Tài sản bảo đảm cho khoản vay: một xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát số 30F-651.23, số máy 2NRX435317, số khung RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570805, cấp ngày 09/04/2019 tại Phòng C1 Công an Thành phố H cho bà Nguyễn Thị Thu H2.

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 375/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 11/04/2019 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/04/2019 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

Ngày 11/04/2019 Ngân hàng TMCP Đ (P) đã thực hiện giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu H2 số tiền 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Thu H2 đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho P, cụ thể:

Nợ gốc đã trả 248.823.924 đồng; Nợ lãi đã trả 126.625.649 đồng. Tổng nợ đã trả là 375.449.573 VNĐ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho P.

Ngày 14/02/2023, P đã gửi Thông báo vi phạm nghĩa vụ và thu hồi nợ trước hạn (số 2847/PVB-QL&TCTTS) tới bà Nguyễn Thị Thu H2, yêu cầu khách hàng hoàn thành việc thanh toán toàn bộ khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác tại P, tuy nhiên bà H2 không thực hiện.

Ngày 19/5/2023 P đã gửi Thông báo yêu cầu tự nguyện bàn giao Tài sản bảo đảm (số 10415/PVB- QL&TCTTS) tới khách hàng, yêu cầu khách hàng tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm, tuy nhiên khách hàng không thực hiện việc bàn giao tài sản. Ngày 21/4/2020 toàn bộ khoản nợ của bà H2 tại P đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến hết ngày 31/7/2024, bà Nguyễn Thị Thu H2 còn nợ Ngân hàng P tổng số tiền là 291.719.728 đồng, trong đó: nợ gốc là 210.939.076 đồng; nợ lãi là 80.780.652 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, P đã khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H2 đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H2 phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho P tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/7/2024 là 291.719.728 đồng, trong đó:

- + Nợ gốc là 210.939.076 đồng;
- + Lãi trong hạn là: 242.839 đồng;
- + Lãi quá hạn là: 80.537.813 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H2 phải tiếp tục trả cho P các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với P kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi tất toán khoản vay;

3. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H2 không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho khoản vay, tài sản bảo đảm là: một xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát số 30F-651.23, số máy 2NRX435317, số khung: RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570805, cấp ngày 09/4/2019 tại Phòng C1 Công an thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H2.

4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Nguyễn Thị Thu H2 tại P, thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu H2 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Nguyễn Thị Thu H2 tại P.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

\* **Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu H2:** đã được Tòa án tổng hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Văn bản tố tụng để bà H2 biết những vấn đề cụ thể mà P yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập bà H2 đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, bà H2 không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để viết bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của P, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Do bà H2 không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên phải chịu hậu quả theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp và do Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

**Tại phiên tòa:**

**\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H2 phải có nghĩa vụ trả cho P tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 10/9/2024 là: 296.924.106 đồng, trong đó: nợ gốc là 210.939.076 đồng (trong đó: gốc trong hạn là 51.168.000 đồng, gốc quá hạn là 159.771.076 đồng); lãi trong hạn là 43.241.060 đồng; lãi quá hạn là 42.743.970 đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H2 phải tiếp tục trả cho P các khoản nợ lãi và phí phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi tất toán khoản vay;

3. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H2 không trả được toàn bộ nghĩa vụ nợ cho P thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là một xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát số 30F-651.23, số máy 2NRX435317, số khung RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 570805, cấp ngày 09/04/2019 tại Phòng C1 Công an thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H2.

4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà H2 tại P, thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của bà H2 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà H2 tại P.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu H2:** Đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:**

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H2 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung vụ án:* Hợp đồng cho vay số 268/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019 giữa nguyên đơn P và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký nên P đã có

Đơn khởi kiện yêu cầu bà H2 trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm nêu trên của P nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, thực hiện đúng hình thức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Bằng tài sản hợp pháp của mình, bà H2 thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của bà, do đó Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Trường hợp bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, P có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho P, tài sản bảo đảm là: một xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát số 30F-651.23, số máy 2NRX435317, số khung RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 570805, cấp ngày 09/04/2019 tại Phòng C1 Công an thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H2.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để trả hết khoản nợ thì bà H2 vẫn phải tiếp tục có trách nhiệm trả hết khoản nợ cho P.

Đối với yêu cầu của P tuyên nêu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà H2 tại P, thì P có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của bà H2 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà H2 cho P. Nhận thấy, đây là giai đoạn thi hành án dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

**[I]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:**

**1. Về thẩm quyền:** xét thấy, nguyên đơn P khởi kiện tranh chấp Hợp đồng cho vay ngày 11/4/2019 đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm là nơi giải quyết tranh chấp theo nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 tại địa chỉ P - tập thể B, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**2. Về quan hệ pháp luật:** P khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H2 yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà H2 phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay đã ký giữa P với bà H2. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký giữa các bên, do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**3. Về thời hiệu khởi kiện:** P và bà Nguyễn Thị Thu H2 ký Hợp đồng cho vay số 268/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019. Tại Khế ước nhận nợ kèm theo, các bên thỏa thuận về ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11/4/2025. Quá trình thực hiện Hợp đồng, do bà H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/03/2024 P nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

#### **4. Về thủ tục tố tụng:**

**Về việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2:** theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ: P - tập thể B, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh Công an phường C cung cấp cho Tòa án biết: “Bà Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1964, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: P - tập thể B, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội. Bà H2 hiện đã bán nhà và chuyển đi đâu không rõ”. Đến nay, bà H2 đi đâu không rõ mà không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn và cơ quan, người có thẩm quyền là thuộc trường hợp “cố tình giấu địa chỉ” theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: “trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung” và xác định địa chỉ P - tập thể B, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội là địa chỉ cư trú cuối cùng của bà H2 theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo, quyết định của Tòa án yêu cầu bà H2 đến Tòa án làm việc và các Quyết định, Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập đương sự nhưng bà H2 vẫn vắng mặt không có lý do tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án. Do bà H2 không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên phải chịu hậu quả theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà P giao nộp và do Tòa án thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 08h30' ngày 21/8/2024 nhưng bị đơn bà H2 vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vụ án vào hồi 08h30' ngày 10/9/2024. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà H2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đồng thời, Tòa án đã áp dụng Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự để nguyên đơn tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia phiên tòa, P có Văn bản về việc từ chối đăng tin. Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên cổng thông tin điện tử của Tòa án về thời gian mở phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà H2 là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2]. Về nội dung vụ án:**

**2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn P đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2, về việc buộc bà H2 phải thanh toán nốt khoản nợ theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ hai bên đã ký kết:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định vào Ngày 11/4/2019, bà Nguyễn Thị Thu H2 và P đã ký kết Hợp đồng cho vay số 268/2019/HĐCV/PVB-HBT, với nội dung cơ bản như sau:

- + Số tiền vay là 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng);
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Mục đích sử dụng số tiền vay: Vay mua ô tô tiêu dùng;
- + Lãi suất: Lãi suất trong hạn:

Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân là: 8,99% năm

Lãi suất cho các kỳ điều chỉnh tiếp (từ tháng 13 cho đến hết thời hạn khoản vay). Lãi suất được xác định theo công thức sau: theo bằng lãi suất cơ sở + Biên độ tối thiểu 4,5%/năm, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần.

Trong đó lãi suất cơ sở là lãi suất Tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng VNĐ, kỳ hạn 13 tháng, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng C từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên vay trả nợ đúng hạn.

+ Tài sản bảo đảm cho khoản vay: một xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại: VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát số: 30F-651.23, số máy: 2NRX435317, số khung: RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 570805, cấp ngày 09/04/2019 tại Phòng C1 Công an thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H2. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 375/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 11/4/2019 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/4/2019 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

Xét thấy: Các điều khoản chính của Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đều phù hợp với quy định của pháp luật, hình thức được lập thành văn bản, Hợp đồng được giao kết giữa các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đúng thẩm quyền, mục đích giao kết và nội dung Hợp đồng không trái pháp luật, không vi phạm điều cấm và các bên đều tự nguyện ký kết. Vì vậy, Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ trên có hiệu lực pháp luật và có giá trị ràng buộc giữa các bên.

2.2. Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay trên, ngày 11/4/2019, Ngân hàng P đã giải ngân cho bà H2 số tiền là 460.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ ngày 11/4/2019. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thu H2 đã thanh toán được một khoản nợ gốc là 248.823.924 đồng và khoản nợ lãi là 126.625.649 đồng. Sau đó, bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 21/4/2020 khoản nợ của bà H2 bị chuyển sang quá hạn. P đã gửi nhiều Thông báo, Công văn

yêu cầu bà H2 trả nợ, hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho P xử lý theo đúng quy định, nhưng bà H2 không thực hiện theo yêu cầu của P. Vì vậy, P đã khởi kiện bà H2 đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc tính đến ngày 10/9/2024 là 210.939.076 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H2 không có mặt, không có lời khai về quá trình vay nợ, trả nợ. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ. Đối chiếu với khoản nợ gốc P đã giải ngân, số tiền bà H2 đã trả P, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**2.3.** P yêu cầu bà H2 phải trả tổng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 10/9/2024 là 85.985.030 đồng, trong đó: lãi trong hạn là 43.241.060 đồng; lãi quá hạn là 42.743.970 đồng:

Xét, theo Hợp đồng cho vay số 268/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019 và Khế ước nhận nợ các bên thỏa thuận lãi suất cho vay cố định như sau:

Lãi suất trong hạn:

- Lãi suất áp dụng trong 12 tháng kể từ thời điểm giải ngân là: 8,99% năm
- Lãi suất cho các kỳ điều chỉnh tiếp (từ tháng 13 cho đến hết thời hạn khoản vay). Lãi suất được xác định theo công thức sau: = theo bằng lãi suất cơ sở + Biên độ tối thiểu 4,5%/năm, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần.

Trong đó lãi suất cơ sở là lãi suất Tiền gửi Đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, có loại tiền bằng VND, kỳ hạn 13 tháng, theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng C từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được Bên vay trả nợ đúng hạn.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, P xác nhận số nợ gốc và lãi theo Khế ước nhận nợ. Người đại diện theo ủy quyền của P xác nhận tổng số nợ lãi đã tính theo đúng thỏa thuận trên. Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng cho vay, K ước nhận nợ và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của P thể hiện tại Bảng tính tổng hợp gốc, lãi. Vì vậy, P yêu cầu bà H2 phải thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xác định tính đến hết ngày 10/9/2024 bà H2 còn nợ Ngân hàng P tổng số tiền lãi là 85.985.030 đồng, trong đó: lãi trong hạn là 43.241.060 đồng; lãi quá hạn là 42.743.970 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn P yêu cầu bị đơn bà H2 còn phải thanh toán khoản lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/9/2024 cho đến khi bà H2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ của nguyên đơn P:**



Khoản vốn vay của bà Nguyễn Thị Thu H2 tại P được thế chấp bằng một tài sản đảm bảo là một xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại: VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát số: 30F-651.23, số máy: 2NRX435317, số khung: RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 570805, cấp ngày 09/04/2019 tại Phòng C1 Công an thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H2.

Xét thấy: Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 375/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 11/4/2019 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/4/2019 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 13 tháng 03 năm 2023, Tòa án đã ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ số 93/2024/QĐ-XXTĐTC, yêu cầu bà H2 di chuyển tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát số 30F-651.23, số máy 2NRX435317, số khung RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570805, cấp ngày 09/4/2019 tại Phòng C1 Công an thành phố H cho bà Nguyễn Thị Thu H2, đến địa chỉ Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm - số E phố L, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 31 tháng 7 năm 2024, để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Tuy nhiên, bà H2 không chấp hành. Ngày 08/7/2024 Tòa án đã ra Thông báo số 02/TB-TA yêu cầu nguyên đơn P cung cấp địa chỉ nơi bị đơn để tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô trên để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, nhưng nguyên đơn cũng không cung cấp được địa chỉ nơi bị đơn để tài thế chấp. Vì vậy, Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn P cam đoan toàn bộ giấy tờ gốc của chiếc xe ô tô trên vẫn đang trong kho lưu giữ của P.

Tại Văn bản phúc đáp số 3603/CSGT-DKX ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Phòng C2 Công an Thành phố H cung cấp: “ xe ô tô biển kiểm soát 30F-651.23, số máy: 2NRX435317, số khung: RL4B23F36K5063973; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 570805, cấp ngày 09/04/2019 tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố H cho chủ xe: Nguyễn Thị Thu H2, kiểm tra hồ sơ gốc thấy lưu: Thông báo 9055320410/TB-TT1 ngày 11/4/2019 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố H thông báo xe ô tô số 30F-651.23 đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh H3. Không thấy lưu văn bản nào thể hiện xe ô tô trên đang bị tạm giữ do vi phạm giao thông, tai nạn giao thông,... Đến thời điểm hiện tại, Phòng C1 - Công an Thành phố H chưa tiếp nhận, giải quyết thêm thủ tục đăng ký nào đối với xe ô tô nêu trên (theo cơ sở dữ liệu lưu trữ tại Văn phòng C3 - Công an thành phố H tính đến ngày 17/7/2024)”.

Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Thu H2 tại P. Xét hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, đúng chủ thể và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. P đề nghị Tòa án tuyên được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành

án có thẩm quyền phát mại xử lý tài sản đảm bảo nêu trên để thu hồi khoản nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với yêu cầu của P tuyên nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà Nguyễn Thị Thu H2 tại P, thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu H2 để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ nợ của bà H2 tại P. Nhận thấy, đây là giai đoạn thi hành án dân sự, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xét.

**[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. **Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Căn cứ vào:**

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 223; Điều 280; Điều 305; Điều 429; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 318; Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc tính lãi đối với các Hợp đồng tín dụng được xác lập sau ngày 01/01/2017;

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N);

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Khoản 2 Điều 17 của Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1.2, điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ (P) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 phải thanh toán trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ (P) số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của Hợp đồng cho vay số 268/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019 và Khế ước nhận nợ số 268/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019 kèm theo, tạm tính đến hết ngày 10/9/2024 là 296.924.106 đồng (Hai trăm chín mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm linh sáu đồng), trong đó:

+ Nợ gốc là 210.939.076 đồng.

+ Lãi trong hạn là 43.241.060 đồng.

+ Lãi quá hạn là 42.743.970 đồng.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H2 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ (P) các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ (P) kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử là ngày 11/9/2024 cho đến khi bà H2 thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng;

4. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H2 không thanh toán được ngay toàn bộ nghĩa vụ nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ (P), thì Ngân hàng thương mại Cổ phần Đ (P) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng, tài sản bảo đảm là: một xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, màu trắng, 05 chỗ ngồi, mang biển kiểm soát 30F-651.23, số máy 2NRX435317, số khung RL4B23F36K5063973. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 570805, cấp ngày 09/04/2019 tại Phòng C1 Công an thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Thu H2.

5. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì bà Nguyễn Thị Thu H2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 14.846.000 đồng (Mười bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1 (P) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.348.000 đồng (Sáu triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) - theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006562 ngày 17/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

7. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Nguyễn Minh H1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P). Vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H2. Tòa án báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hoàn Kiếm;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội
- Chi cục THADS Q. Hoàn Kiếm;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền Hoà**